TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-PT

Ngày 18/3/2025

V/v "Yêu cầu công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp đối với nhà và đất" và "Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/DSPT ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp đối với nhà và đất" và "Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 73/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ng - Sinh năm 1952 - Địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Ng:* Ông Nguyễn Lê V - Luật sư của Công ty Luật MTV Nguyễn G thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1960 - Địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H:* Ông Võ Văn Th - Luật sư của Văn phòng Luật sư Th và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, phố Đ. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Th:* Ông Võ Văn Th - Luật sư của Văn phòng Luật sư Th và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn M - Sinh năm 1955 - Địa chỉ: Thôn G 2, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Có mặt, khi tuyên án vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, phố Đ. (Có mặt).

4. Ông Nguyễn Hữu H - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, phố Đ. (Có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, phố Đ. (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Hữu V - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, phố Đ. (Có mặt).

7. Ủy ban nhân dân xã H - Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Nhơn Thọ 2, xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. (Văng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Ng, là Nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Th, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/5/2021, bản tự khai ngày 14/6/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ chồng của bà Ng là ông Nguyễn M, sinh năm 1926 (chết năm 2000) và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1928 (chết năm 1976) có với nhau 05 người con chung là: Ông Nguyễn M, sinh năm 1955; ông Nguyễn Q, sinh năm 1956 (chết năm 2019); bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1965 (chết năm 2003 chưa có chồng con); bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969.

Vợ chồng bà Ng và ông Q *(ông Nguyễn Q, sinh năm 1956, chết năm 2019)* có với nhau 04 người con chung là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980, ông Nguyễn Hữu H,

sinh năm 1982, bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1987.

Lúc còn sống, ông Nguyễn M có tài sản là nhà, đất tại Tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ, bao gồm 01 ngôi nhà cấp 4, đất lúa, đất màu, đất thổ cư có diện tích 3.828m^2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B837297 do Uỷ ban nhân dân huyện Hoà Vang cấp ngày 22/7/1994 đứng tên ông Nguyễn M. Hiện nay, diện tích đất lúa, đất màu đã bị Nhà nước thu hồi hết chỉ còn một căn nhà cấp 4 và một diện tích đất thổ cư là 516m^2.

Năm 2000, ông Nguyễn M chết không để lại di chúc, gia đình bà Ng tiếp tục sử dụng ổn định và quản lý, nộp thuế đối với nhà đất nói trên. Năm 2004, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có quyết định thu hồi một phần diện tích đất là 73,10m^2 nằm trong diện tích đất thổ cư là 516m^2 để nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A.

Ngày 29/10/2010, các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn M là ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th đã lập tờ khai di sản thừa kế được Uỷ ban nhân xã Hoà Phước chứng thực ngày 02/11/2010, theo đó đã xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M gồm có 04 người là ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th.

Ngày 18/02/2011, ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th đã cùng nhau lập tờ thoả thuận với nội dung: *"đồng ý để cho anh chúng tôi là ông Nguyễn Q được quyền dùng để kê khai di sản thừa kế và toàn quyền sở hữu, định đoạt, sử dụng, đồng thời có nghĩa vụ với nhà nước về ngôi nhà, đất nói trên thuộc quyền thừa kế của chúng tôi"*. Sau khi lập tờ thoả thuận này, do nhiều trở ngại khách quan và có vướng mắc về ranh giới với hộ bà Nguyễn Thị H ở kế bên nên ông Nguyễn Q chưa hoàn thành các thủ tục để được đứng tên trên diện tích nhà, đất nói trên.

Năm 2017, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án khu tái định cư phía Nam chợ M nên đã quyết định thu hồi diện tích đất là 368m^2 của hai hộ liền kề là hộ bà Nguyễn Thị H *(thửa đất số 642, tờ bản đồ số 3)* và hộ ông Nguyễn M do ông Nguyễn Q đại diện thừa kế *(thửa đất số 643, tờ bản đồ số 3)*. Do hộ bà Nguyễn Thị H có một phần diện tích đất bị chồng lấn qua diện tích nhà ở của hộ ông Nguyễn Q nên các bên có phát sinh tranh chấp về ranh giới khi nhà nước lập hồ sơ giải toả, đền bù.

Ngày 04/8/2017 và ngày 18/10/2017, Uỷ ban nhân dân xã Hoà Phước đã lập 02 Biên bản về việc thoả thuận hoà giải tranh chấp ranh giới giữa hộ ông Nguyễn Q và hộ bà Nguyễn Thị H. Theo đó các bên thống nhất trong diện tích đất bị thu hồi là 368m^2, hộ ông Nguyễn Q được nhận 118m^2 và hộ bà Nguyễn Thị H được nhận 250m^2, các bên thống nhất ranh giới giữa hai nhà theo hiện trạng tường nhà đã xây kéo thẳng về hướng Đông giáp ranh giới đất giải toả. Trên cơ sở hai biên bản hoà giải này, Uỷ ban nhân dân

xã Hoà Phước đã liên hệ Trung tâm đo đạc bản đồ đo đạc lại hồ sơ thửa đất cho hai hộ theo biên bản thoả thuận trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên. Sau khi đo đạc lại thì diện tích nhà đất của gia đình bà Ng *(bao gồm cả phần đất bị giải toả 118,1m^2*) còn lại là 450,1m^2 (diện tích đo đạc thực tế 436,8 m^2). Mặc dù, hộ bà Nguyễn Thị H và gia đình bà Ng đã thống nhất về ranh giới và các đồng thừa kế của ông Nguyễn M đã ký tờ thoả thuận ngày 18/02/2011 đồng ý nhường quyền hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn M cho chồng bà Ng là ông Nguyễn Q. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị H vẫn liên tục có hành vi cản trở quyền sử dụng và tranh chấp với gia đình bà Ng đối với diện tích nhà, đất nói trên. Gia đình đã nhiều lần làm đơn đề nghị UBND xã Hoà Phước can thiệp, giải quyết nhưng không có kết quả. Điều này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Ng trong việc sử dụng và quản lý diện tích đất nói trên.

Vì vậy, đề nghị Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xem xét giải quyết:

- Công nhận quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Q đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 450,1m^2 (diện tích đo đạc thực tế 436,8 m^2) là di sản thừa kế do ông Nguyễn M để lại theo Tờ thoả thuận nhường quyền hưởng thừa kế được UBND xã Hoà Phước chứng thực ngày 18/02/2011.

- Giao phần tài sản thừa kế nói trên cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Q là bà Trần Thị Ng, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V được toàn quyền sở hữu và sử dụng theo quy định pháp luật.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản thì bà Trần Thị Ng thống nhất không có ý kiến gì.

** Theo đơn trình bày ghi ngày 06/6/2021, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu H về hàng thừa kế và khối tài sản của ông Nguyễn M và bà Trần Thị Ch để lại. Sau khi cha mẹ của anh em bà H qua đời để lại di chúc là anh em bà tự thống nhất nội bộ gia đình tự đem quyền sử dụng đất của ông Nguyễn M mang số B837297 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 22/7/1994 với diện tích 516m² đất ở. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 là nhà thờ cha mẹ ông bà để lại. Để tránh việc tranh chấp tất cả anh em họp gia đình thoả thuận phân chia như sau: Ông Nguyễn M là 100m² đất, phần nhà thờ 160m² đất và số đất còn lại của bà, của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Q; bà H và bà Th thống nhất bàn bạc giao đất cho anh trai là ông Nguyễn Q làm lại nhà thờ để thờ tự. Tuy nhiên, vào tháng 10/2019 ông Nguyễn Q bị bệnh chết trong khi chưa giải quyết được việc đất đai

của gia đình. Từ đó gia đình vẫn bàn bạc là để cho cháu nội ông Nguyễn Hữu H nhận thừa kế cho cha là ông Nguyễn Q. Nhưng qua thời gian kể từ khi ông Q chết ông Hiệp tỏ ra có thái độ thiếu văn hóa với anh em bà H, từ đó anh em bà H suy nghĩ ông Hiệp sẽ không đảm nhiệm được trách nhiệm thờ tự. Vì vậy, việc nguyên đơn bà Trần Thị Ng khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận Quyền sở hữu và Quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Q đối với tài sản thừa kế và giao phần tài sản thừa kế của ông Nguyễn Q cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q được toàn quyền sở hữu và sử dụng là không đúng pháp luật. Đồng thời, bà H có ý kiến là phần đất thừa kế của bà và của bà Th để lại làm nhà thờ, giao ông Nguyễn M có trách nhiệm đứng ra để làm nhà thờ cho cha mẹ ông bà.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản thì bà Nguyễn Thị H thống nhất không có ý kiến gì.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ghi ngày 17/02/2022, quá trình hoà giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Cha bà Nguyễn Thị Th là ông Nguyễn M *(sinh năm 1926, chết năm 2000)*. Khi ông Mua qua đời thì không để lại di chúc và di sản của ông Nguyễn M để lại là 516m^2 đất thổ cư tại tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ cũng chưa được phân chia cho các đồng thừa kế của ông Mua. Vào năm 2019, UBND huyện Hòa Vang có Quyết định thu hồi 118,1m^2 đất trong phần di sản của ông Nguyễn M, để phục vụ dự án Khu tái định cư phía Nam chợ M. Với Quyết định thu hồi này thì Hội đồng BTTH; HT&TĐC của UBND huyện Hòa Vang đã bồi thường, hỗ trợ số tiền là 574.332.190 đồng và bố trí 01 lô đất hộ chính đường 7,5m Khu E2 (GĐI) Khu Nam cầu Cẩm Lệ. bà Th nhận thấy đây là di sản mà cha bà Th là ông Nguyễn M để lại chưa được phân chia cho các đồng thừa kế. Vì vậy, bà Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang chia di sản thừa kế của ông Nguyễn M để lại đối với thửa đất số 643, tờ bản đồ số 3, diện tích 516m^2 *(đã bị Nhà nước thu hồi 118,1m^2 – nay là thửa số 5, tờ bản đồ hiện trạng số 38) được UBND huyện Hà Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/7/1994 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00148 đứng tên ông Nguyễn M; số tiền là 574.332.190 đồng và giá trị 01 lô đất hộ chính đường 7,5m Khu E2 (GĐ1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ tạm tính giá trị là 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng)*. Tuy nhiên, ngày 07/3/2023, bà Nguyễn Thị Th có đơn rút một phần yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị 01 lô đất hộ chính đường 7,5m Khu E2 (GĐ1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ. Lý do, bà Th cho rằng các đồng thừa kế của ông Nguyễn M chưa thống nhất được việc nhận đền bù 01 lô đất hộ chỉnh đường 7,5m Khu E2 (GDD1) KDC Nam cầu Cẩm Lệ nên Hội đồng BTTH; HT&TĐC của UBND huyện Hòa Vang chưa làm các thủ tục pháp lý để các đồng thừa kế nhận được lô đất nêu trên. Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th có ý kiến rút một phần yêu cầu chia thừa kế

đối với di sản là số tiền bồi thường, hỗ trợ 574.332.190 đồng. bà Th chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn M để lại là là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 450,1m^2 (diện tích đo đạc thực tế 436,8 m^2). Đồng thời, bà Th có ý kiến là phần đất thừa kế của bà và của bà H để lại làm nhà thờ, giao ông Nguyễn M có trách nhiệm đứng ra để làm nhà thờ cho cha mẹ ông bà.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản thì bà Nguyễn Thị Th thống nhất không có ý kiến gì.

** Theo đơn trình bày ghi ngày 06/6/2021, bản tự khai ghi ngày 8/5/2023, quá trình hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn M trình bày:*

Ông M thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu H về hàng thừa kế; di sản thừa kế của ông Nguyễn M và bà Trần Thị Ch để lại, đồng thời trình bày như sau: Theo biên bản về việc thỏa thuận, hòa giải tranh chấp ranh giới của hộ ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị H vào ngày 04/8/2017. Theo đó các bên thống nhất trong diện tích đất bị thu hồi là 368m^2 được phân chia để được bồi thường như sau:

+ Hộ ông Nguyễn M được nhận 150m^2;

+ Hộ ông Nguyễn Q được nhận 118m^2;

+ Hộ bà Nguyễn Thị H được nhận 50m^2;

+ Hộ bà Nguyễn Thị Th được nhận 50m^2.

Trong văn bản thỏa thuận có trưởng thôn C và UBND xã H chứng kiến. Theo đó, bà Nguyễn Thị H đứng ra đại diện cho ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị Th nhận tiền và phân chia lại cho Ông M và bà Th tương ứng với diện tích đất đã thỏa thuận bồi thường như trên. Tuy nhiên, Ông M được biết bà Nguyễn Thị H đã nhận được tiền đền bù 150m^2 của Ông M từ năm 2019 đến nay nhưng bản thân hộ Ông M chưa được nhận tiền đền bù. Vì vậy, Ông M yêu cầu được nhận tiền đền bù tương ứng diện tích đất 150m^2 như văn bản thỏa thuận và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Ông M có ý kiến cần bố trí một phần đất trong diện tích 450,1m^2 (diện tích đo đạc thực tế 436,8 m^2) là di sản thừa kế do ông Nguyễn M để lại để làm nhà thờ làm nơi thờ tự ông bà cha mẹ của ông Nguyễn M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu H thống nhất với nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ng và không có ý kiến bổ sung gì.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản thì ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V thống nhất không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại văn bản số 324/UBND-TPHT ngày 05/4/2024 và văn bản số 659/UBND-TPHT ngày 08/7/2024 của UBND xã H, huyện Hòa Vang có ý kiến:*

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại xã H không còn lưu hồ giấy thỏa thuận cho, nhường, phân chia di sản thừa kế bất động sản được UBND xã H chứng thực ngày 18/02/2011. Tại thời điểm năm 2011 thì UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

* Tại phiên toà, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Nghĩa trình bày ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Q đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 và diện tích đất 450,1m^2 (diện tích đo đạc thực tế 436,8 m^2) là di sản thừa kế do ông Nguyễn M để lại theo Tờ thoả thuận nhường quyền hưởng thừa kế được UBND xã Hoà Phước chứng thực ngày 18/02/2011. Đồng thời yêu cầu giao phần tài sản thừa kế nói trên cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Q là bà Trần Thị Ng, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V được toàn quyền sở hữu và sử dụng theo quy định pháp luật.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 158, 164, 221, 223, 500, 502, 503 của Bộ luật dân sự; các điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất; Nghị quyết số: 02/2004NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị 01 lô đất hộ chính đường 7,5m Khu E2 (GĐ1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ và số tiền bồi thường, hỗ trợ 574.332.190 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng về việc công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Q đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 436,8m^2, tọa lạc tại tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành

phố Đ là di sản thừa kế do ông Nguyễn M để lại theo tờ thoả thuận nhường quyền hưởng thừa kế được UBND xã Hoà Phước chứng thực ngày 18/02/2011. Đồng thời bố trí diện tích 120m^2 đất ở trong diện tích 436,8m^2 đất để làm nhà thờ, làm nơi thờ tự gia đình ông Nguyễn M.

* Vị trí diện tích 316,8m^2 đất giao cho các đồng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Q gồm bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V có tứ cận:

+ Cạnh Đông giáp nhà đất của bà B và bà Ch;

+ Cạnh Tây giáp quốc lộ 1A và phần đất giao làm nhà thờ tộc;

+ Cạnh Nam giáp nhà của ông B;

+ Cạnh Bắc giáp nhà đất bà Nguyễn Thị H và phần đất giao làm nhà thờ tộc.

Bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

* Vị trí diện tích 120m^2 đất ở bố trí làm nhà thờ giao cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn M gồm ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q *(do ông Q chết nên các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Q là bà Trần Thị Ng, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V)*, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th tọa lạc tại vị trí nhà thờ cũ, có tứ cận:

+ Cạnh Đông giáp đất giao cho hàng thừa kế của ông Nguyễn Q;

+ Cạnh Tây giáp quốc lộ 1A;

+ Cạnh Nam giáp nhà và đất giao cho hàng thừa kế của ông Nguyễn Q;

+ Cạnh Bắc giáp nhà đất bà Nguyễn Thị H.

Các đồng thừa kế của ông Nguyễn M gồm ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q *(do ông Q chết nên các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Q là bà Trần Thị Ng, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V)*, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế ông Nguyễn M để lại đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 436,8m^2; tọa lạc tại tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ do ông Nguyễn M để lại.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Trần Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 62.684.653 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.935.830 đồng tại biên lai thu số 0004205 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Như vậy, bà Th còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là: 52.748.823 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng).

5. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: 7.092.000 đồng. Số tiền này, nguyên đơn bà Trần Thị Ng đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong) và nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Do yêu cầu độc lập không được chấp nhận nên chi phí thẩm định giá tài sản 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) bà Nguyễn Thị Th phải chịu. Số tiền này, người có quyền lợi và liên quan bà Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn là Bà Trần Thị Ng; Bị đơn là bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Ng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn M theo pháp luật, ngoài ra bà Th còn đề nghị xem xét lại án phí dân sự sơ thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Th phải chịu.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 01/8/2024 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th và xem xét phần án phí dân sự sơ thẩm của bà Th.

* Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Ng; bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng và các đồng thừa kế của ông Q tự nguyện bố trí ngôi nhà trên đất có diện tích 120,0m^2 để làm nhà thờ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút một phần quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 01/8/2024 của

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang về mặt nội dung và giữ nguyên kháng nghị về phần án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Th.

* Tại phiên toà, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Ng phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Ng.

* Tại phiên toà, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà H và bà Th.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị Ng; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th về việc chia thừa kế di sản của ông Nguyễn M để lại theo pháp luật; chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang về phần án phí dân sự sơ thẩm; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về phần án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai Ủy ban nhân dân xã H đến tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng Ủy ban nhân dân xã H vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân xã H.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút một phần quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 01/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang về mặt nội dung và giữ nguyên kháng nghị về phần án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Th. Xét thấy việc rút một phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Ng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ng; bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn M theo pháp luật, ngoài ra bà Th còn đề nghị xem xét lại án phí dân sự sơ thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Th phải chịu. Xét kháng cáo của các đương sự thì thấy:

[3] *Về xác định di sản của ông Nguyễn M để lại:*

[3.1] Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B837297 do Uỷ ban nhân dân huyện Hoà Vang cấp ngày 22/7/1994 thì ông Nguyễn M là người đứng tên diện tích đất thổ cư là 516m^2. Năm 2000 ông Nguyễn M chết không để lại di chúc, gia đình ông Nguyễn Q tiếp tục sử dụng ổn định và quản lý, nộp thuế đối với nhà đất nói trên. Ngày 15/11/2004 Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có quyết định thu hồi một diện tích đất là 73,10m^2 nằm trong diện tích đất thổ cư là 516m^2 để nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A.

Năm 2017, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án khu tái định cư phía Nam chợ M nên đã quyết định thu hồi diện tích đất là 368m^2 của hai hộ liền kề là hộ bà Nguyễn Thị H (thửa đất số 642, tờ bản đồ số 3) và hộ ông Nguyễn M do ông Nguyễn Q đại diện thừa kế (thửa đất số 643, tờ bản đồ số 3).

Theo Biên bản ngày 04/8/2017 về việc thoả thuận hoà giải tranh chấp ranh giới giữa hộ ông Nguyễn Q và hộ bà Nguyễn Thị H của Uỷ ban nhân dân xã Hoà Phước thì các bên thống nhất trong diện tích đất bị thu hồi là 368m^2, hộ ông Nguyễn Q được nhận 118m^2 và hộ bà Nguyễn Thị H được nhận 250m^2. Sau đó Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng thực hiện việc đo đạc lại thì diện tích nhà đất của ông Nguyễn M còn lại là 450,1m^2. Tuy nhiên, theo kết đo đạc do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cung cấp ngày 30/12/2021 cho Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thì diện tích đất của ông Nguyễn M đo đạc thực tế còn 436,8 m^2.

[3.2] Ngày 22/11/2023, Hội đồng bồi thường thiệt hại, hỗ trợ và tái định cư huyện Hoà Vang có Công văn số 545/HĐBTTH về việc đề nghị điều chỉnh quy hoạch một số trường hợp thuộc dự án Khu tái định cư phía Nam chợ M có nội dung tại hộ ông Nguyễn M (hồ sơ 66), thửa số 05, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng: 450,1m², diện tích thu hồi: 118,1m². Phần diện tích thu hồi thuộc đất dự trữ, không ảnh hưởng đến vệt thu hồi đường 33m, chủ hộ đề nghị giữ lại chỉnh trang.

Ngày 12/12/2023, Ban giải phóng mặt bằng huyện Hoà Vang có Công văn số 3780/BGPMB trả lời Công văn số 294/CV-TA ngày 23/8/2023 của Toà án nhân dân

huyện Hoà Vang với nội dung hồ sơ giải tỏa số 66 của ông Nguyễn M nằm trong số những hồ sơ dừng, không thực hiện thu hồi đất, giải tỏa đền bù để thực hiện dự án Khu tái định cư phía Nam chợ M vì phải điều chỉnh quy hoạch do không nằm trong vị trí thu hồi đường 33,0m (chỉ thu hồi để lấy đất dự trữ).

Như vậy, di sản thừa kế của ông Nguyễn M để lại là căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích 436,8m^2 đất thổ cư.

[4] *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công nhận quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích 436,8m^2 đất thổ cư của ông Nguyễn Q đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích 436,8 m^2 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đố với tài sản trên:*

[4.1] Ngày 29/10/2010, các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn M là ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th đã lập Tờ khai di sản thừa kế được Uỷ ban nhân xã Hoà Phước chứng thực ngày 02/11/2010, theo đó đã xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn M gồm có 04 người là ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th.

Ngày 18/02/2011, ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th đã cùng nhau lập Tờ thoả thuận với nội dung đồng ý để cho ông Nguyễn Q được quyền dùng để kê khai di sản thừa kế, toàn quyền sở hữu, định đoạt, sử dụng, đồng thời có nghĩa vụ với nhà nước về ngôi nhà, đất nói trên.

[4.2] Ngoài ra, tại biên bản họp gia đình bàn về xác định vị trí đất xây dựng nhà thờ họ lập ngày 11/01/2013, các đồng thừa kế của ông Nguyễn M gồm ông Nguyễn M, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th thống nhất như sau:*"Dựa trên cơ sở nhà thờ ông bà nội: Vị trí sát mặt đường quốc lộ 1, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ: Diện tích 160m^2 (bề ngang 6,5m, bề dài 24,6m. Từ nay trở đi mảnh đất có vị trí, diện tích như trên là đất hương hỏa của dòng họ, anh em, con cháu của ông bà Nguyễn Hữu Khoái, Trần Thị Nuôi đóng góp xây dựng nhà thờ mới cho ông bà, làm nơi hương khói, cúng quảy, giỗ chạp cho ông bà. Không ai được phép sử dụng vào mục đích khác..."*.

Tuy nhiên, trong quá trình xét xử sơ thẩm bà H xác nhận đã cung cấp văn bản ngày 11/01/2013 là bản photo, tại phiên tòa phúc thẩm bà H và bà Th cho rằng bản gốc văn bản trên ông Q cất giữ các bà chỉ có bản photo nhưng ông Q đã chết, tại phiên tòa phúc thẩm các đồng thừa kế của ông Q không thừa nhận có văn bản trên nên theo quy định tại Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự thì biên bản họp gia đình bàn về xác định vị trí đất xây dựng nhà thờ họ lập ngày 11/01/2013 không được coi là chứng cứ. Do vậy, thoả thuận ngày 18/02/2011 về hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật. HĐXX căn cứ thoả

thuận ngày 18/02/2011 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng và giao toàn bộ nhà xây dựng trên diện tích đất 436,8m^2 cho bà Ng và các đồng thừa kế của ông Q được quyền sở hữu và sử dụng là phù hợp pháp luật.

[4.3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng và các đồng thừa kế của ông Q tự nguyện bố trí ngôi nhà xây dựng trên diện tích đất 120,0m^2 để làm nhà thờ, xét sự tự nguyện của bà Ng và các đồng thừa kế của ông Q là không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các đồng thừa kế của ông Mua nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng và các đồng thừa kế của ông Q.

Như đã nhận định trên thì HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng và không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th về việc chia di sản của ông Nguyễn M để lại theo pháp luật là có căn cứ.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang thì thấy: Theo quy định tại điểm a mục 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì *"đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm"*. Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nhưng không được Toà án chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.684.653 đồng là không phù hợp nên HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang và sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí của bà Th.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí 9.935.830 đồng tại biên lai thu số 0004205 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

- Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Do chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 7.092.000 đồng. Số tiền này, nguyên đơn bà Trần Thị Ng đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong) và nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Chi phí thẩm định giá tài sản 38.000.000 đồng bà Trần Thị Ng và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q phải chịu. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong) nên buộc bà Trần Thị Ng và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền là 38.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ng; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang về phần án phí dân sự sơ thẩm. Sửa Bản án sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về phần án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Th như lời đề nghi của Đại diện viện kiểm sát tại phiên toà.

Xét lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Ng phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Xét lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 158, 164, 221, 223, 500, 502 và 503 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 166, và Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang; Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ng và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th về phần án phí dân sự sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị 01 lô đất hộ chính đường 7,5m Khu E2 (GĐ1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ và số tiền bồi thường, hỗ trợ 574.332.190 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng; Công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Q đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 436,8m^2, tọa lạc tại tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ là di sản thừa kế do ông Nguyễn M để lại theo tờ thoả thuận nhường quyền hưởng thừa kế được UBND xã Hoà Phước chứng thực ngày 18/02/2011.

* Giao cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q gồm bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V được quyền sở hữu nhà và sử dụng đất diện tích 436,8m^2 có tứ cận như sau:

+ Cạnh Đông giáp nhà đất của bà B và bà Ch;

+ Cạnh Tây giáp quốc lộ 1A;

+ Cạnh Nam giáp nhà của ông B;

+ Cạnh Bắc giáp nhà đất bà Nguyễn Thị H.

Bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

* Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q gồm bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Hữu V về việc bố trí phần nhà trên diện tích 120m^2 đất ở làm nhà thờ, có tứ cận như sau:

+ Cạnh Đông giáp đất giao cho hàng thừa kế của ông Nguyễn Q;

+ Cạnh Tây giáp quốc lộ 1A;

+ Cạnh Nam giáp nhà và đất giao cho hàng thừa kế của ông Nguyễn Q;

+ Cạnh Bắc giáp nhà đất bà Nguyễn Thị H.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế ông Nguyễn M để lại đối với tài sản thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 436,8m^2; tọa lạc tại tổ 6, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ do ông Nguyễn M để lại.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí là 9.935.830 đồng tại biên lai thu số 0004205 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002224 ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Th không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002223 ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị Ng không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002230 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 7.092.000 đồng. Số tiền này, nguyên đơn bà Trần Thị Ng đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong) và nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Chi phí thẩm định giá tài sản 38.000.000 đồng bà Trần Thị Ng và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q phải chịu. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong) nên buộc bà Trần Thị Ng và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Q phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền là 38.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Vũ Việt Dũng